HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 17 /2019/NQ-HĐND	*Yên Bái, ngày 21 tháng 6 năm 2019*

NGHỊ QUYẾT

Quy định về giải thưởng và mức thưởng đối với tập thể, cá nhân đạt giải cao trong các cuộc thi cấp quốc tế, khu vực, trong nước, cấp tỉnh và danh hiệu Nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Yên Bái

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
KHOÁ XVIII - KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Luật Di sản Văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP, ngày 07/11/2018 của Chính phủ quy định về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Quyết định số 158/2002/QĐ-TTg ngày 15/11/2002 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ khen thưởng đối với học sinh, sinh viên đạt giải trong các kỳ thi học sinh, sinh viên giỏi, Olympic quốc gia, Olympic quốc tế, kỹ năng nghề quốc gia và kỹ năng nghề quốc tế;

Xét Tờ trình số 80/TTr-UBND, ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về các giải thưởng và mức thưởng đối với các tập thể, cá nhân trên địa bàn tỉnh Yên Bái đạt giải trong các cuộc thi cấp quốc tế, khu vực, trong nước, cấp tỉnh và danh hiệu Nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể tỉnh

Yên Bái; Báo cáo thẩm tra số 58/BC-HĐND ngày 19/6/2019 của Ban Dân tộc, Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định giải thưởng và mức thưởng đối với "Giải thưởng Khoa học và Công nghệ tỉnh Yên Bái"

1. Tên giải thưởng: "Giải thưởng Khoa học và Công nghệ tỉnh Yên Bái".

2. Giải thưởng được xét tặng 5 năm một lần. Các tập thể, cá nhân có công trình hay cụm công trình khoa học công nghệ đã được công bố, áp dụng trong thời hạn 5 năm của kỳ xét giải đều được tham dự. Các tập thể, cá nhân tham dự kỳ xét tặng đạt giải A, B, C và Khuyến khích được cấp giấy chứng nhận và được thưởng với các mức như sau:

a) Giải A: 25 triệu đồng.

b) Giải B: 15 triệu đồng.

c) Giải C: 10 triệu đồng.

d) Giải khuyến khích: 7 triệu đồng.

Điều 2. Quy định giải thưởng và mức thưởng đối với "Giải thưởng Văn học Nghệ thuật Yên Bái 5 năm"

1. Tên giải thưởng: "Giải thưởng Văn học Nghệ thuật Yên Bái 5 năm".

2. Giải thưởng được xét tặng 5 năm một lần; các tác giả có tác phẩm văn học nghệ thuật đã công bố trong thời hạn 5 năm của kỳ xét giải đều được tham dự. Các tác giả tham dự kỳ xét tặng đạt giải A, B, C và Khuyến khích được cấp giấy chứng nhận và được thưởng với các mức như sau:

a) Giải A: 25 triệu đồng.

b) Giải B: 15 triệu đồng.

c) Giải C: 10 triệu đồng.

d) Giải khuyến khích: 7 triệu đồng.

đ) Riêng mức thưởng của thể loại văn xuôi (tiểu thuyết, truyện ký dài tập) bằng 1,5 lần mức thưởng quy định tại điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này.

Điều 3. Quy định giải thưởng và mức thưởng đối với "Giải thưởng Văn học nghệ thuật Yên Bái hàng năm" và mức thưởng đối với các giải do Trung ương tổ chức

1. Giải thưởng Văn học Nghệ thuật Yên Bái hàng năm có 04 thể loại gồm:

a) Văn xuôi (tiểu thuyết, truyện ký dài tập).

b) Thơ.

c) Mỹ thuật - Nhiếp ảnh - Kiến trúc.

d) Sân khấu - Biểu diễn; Âm nhạc; Điện ảnh - Truyền hình.

2. Giải thưởng Văn học Nghệ thuật có 04 bộ giải thưởng tương ứng với 04 thể loại. Mỗi bộ giải thưởng có: 01 giải A; 02 giải B; 03 giải C; 05 giải khuyến khích cho mỗi thể loại. Giá trị mức thưởng của mỗi bộ giải như sau:

a) Giải A: 10 triệu đồng.

b) Giải B: 7 triệu đồng.

c) Giải C: 5 triệu đồng.

d) Giải Khuyến khích: 3 triệu đồng.

đ) Riêng mức thưởng của thể loại văn xuôi (tiểu thuyết, truyện ký dài tập) bằng 1,5 lần mức thưởng quy định tại điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này.

3. Tác giả đạt các giải toàn quốc do Trung ương tổ chức mức thưởng bằng 50% mức quy định của giải thưởng Trung ương tương ứng.

Điều 4. Quy định giải thưởng và mức thưởng đối với "Giải thưởng Báo chí tỉnh Yên Bái hàng năm" và các giải do Trung ương tổ chức

1. Giải Báo chí tỉnh Yên Bái hàng năm có 04 loại hình gồm:

a) Báo viết.

b) Báo phát thanh.

c) Báo truyền hình.

d) Ảnh báo chí.

2. Giải Báo chí tỉnh Yên Bái có 04 bộ giải thưởng tương ứng với 4 thể loại. Mỗi bộ giải thưởng có: 01 giải A; 02 giải B; 03 giải C; 05 giải khuyến khích cho mỗi loại hình. Giá trị mức thưởng của mỗi bộ giải như sau:

a) Giải A: 10 triệu đồng.

b) Giải B: 7 triệu đồng.

c) Giải C: 5 triệu đồng.

d) Giải Khuyến khích: 3 triệu đồng.

3. Tác giả đạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng (hoặc giải Nhất, Nhì, Ba hoặc giải A, B, C) và Khuyến khích của các loại giải thưởng báo chí quốc gia, giải thưởng báo chí toàn quốc do Trung ương tổ chức, mức thưởng bằng 50% mức quy định của giải thưởng Trung ương tương ứng; đối với giải đặc biệt, giải xuất sắc được tính bằng 1,5 lần mức thưởng của giải A Trung ương tương ứng.

Điều 5. Mức thưởng đối với học sinh đạt giải các cấp; giáo viên dạy giỏi các cấp và giáo viên có học sinh giỏi các cấp

1. Học sinh đạt giải cấp Quốc tế:

a) Huy chương Vàng hoặc giải Nhất: 50 triệu đồng.

b) Huy chương Bạc hoặc giải Nhì: 40 triệu đồng.

c) Huy chương Đồng hoặc giải Ba: 30 triệu đồng.

d) Giải Khuyến khích: 20 triệu đồng.

2. Học sinh đạt giải cấp châu lục và khu vực Quốc tế:

a) Huy chương Vàng hoặc giải Nhất: 30 triệu đồng.

b) Huy chương Bạc hoặc giải Nhì: 20 triệu đồng.

c) Huy chương Đồng hoặc giải Ba: 15 triệu đồng.

d) Giải Khuyến khích: 10 triệu đồng.

3. Học sinh đạt giải cấp Quốc gia:

a) Huy chương Vàng hoặc giải Nhất: 20 triệu đồng.

b) Huy chương Bạc hoặc giải Nhì: 15 triệu đồng.

c) Huy chương Đồng hoặc giải Ba: 10 triệu đồng.

d) Giải Khuyến khích: 8 triệu đồng.

4. Học sinh đạt giải cấp khu vực trong nước:

a) Huy chương Vàng hoặc giải Nhất: 10 triệu đồng.

b) Huy chương Bạc hoặc giải Nhì: 7 triệu đồng.

c) Huy chương Đồng hoặc giải Ba: 5 triệu đồng.

d) Giải Khuyến khích: 3 triệu đồng.

5. Học sinh đạt giải cấp tỉnh:

a) Huy chương Vàng hoặc giải Nhất: 4 triệu đồng.

b) Huy chương Bạc hoặc giải Nhì: 3 triệu đồng.

c) Huy chương Đồng hoặc giải Ba: 2 triệu đồng.

d) Giải Khuyến khích: 1 triệu đồng.

6. Giáo viên có học sinh đạt giải quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này, mức thưởng bằng 50% mức thưởng của các học sinh đạt giải tương ứng.

7. Tổ giáo viên (hoặc giáo viên) do cơ quan có thẩm quyền thành lập trực tiếp bồi dưỡng đội tuyển có học sinh đạt giải cấp Quốc gia, mức thưởng bằng 100% mức thưởng của các học sinh đạt giải tương ứng.

8. Giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi các cấp:

a) Cấp Quốc gia: 6 triệu đồng. Nếu được xếp giải thì giải Nhất: 10 triệu đồng; giải Nhì: 8 triệu đồng; giải Ba: 6 triệu đồng.

b) Cấp khu vực trong nước: 4 triệu đồng. Nếu được xếp giải thì giải Nhất: 6 triệu đồng; giải Nhì: 5 triệu đồng; giải Ba: 4 triệu đồng.

c) Cấp tỉnh: 3 triệu đồng.

Điều 6. Mức thưởng cuộc thi kỹ năng nghề đối với thí sinh; giáo viên, chuyên gia hoặc nhóm chuyên gia có thí sinh đạt giải

1. Thí sinh đạt giải cuộc thi kỹ năng nghề quốc tế (thi tay nghề thế giới):

a) Huy chương Vàng hoặc giải Nhất: 15 triệu đồng.

b) Huy chương Bạc hoặc giải Nhì: 10 triệu đồng.

c) Huy chương Đồng hoặc giải Ba: 7 triệu đồng.

d) Giải Khuyến khích: 3 triệu đồng.

2. Thí sinh đạt giải cuộc thi tay nghề ASEAN:

a) Huy chương Vàng hoặc giải Nhất: 10 triệu đồng.

b) Huy chương Bạc hoặc giải Nhì: 6 triệu đồng.

c) Huy chương Đồng hoặc giải Ba: 3 triệu đồng.

d) Giải Khuyến khích: 1 triệu 500 nghìn đồng.

3. Thí sinh đạt giải cuộc thi kỹ năng nghề quốc gia:

a) Huy chương Vàng hoặc giải Nhất: 6 triệu đồng.

b) Huy chương Bạc hoặc giải Nhì: 4 triệu đồng.

c) Huy chương Đồng hoặc giải Ba: 2 triệu đồng.

4. Giáo viên, chuyên gia hoặc nhóm chuyên gia trực tiếp bồi dưỡng thí sinh đạt giải, mức thưởng bằng 50% mức thưởng của các thí sinh đạt giải tương ứng.

Điều 7. Mức thưởng đối với huấn luyện viên và vận động viên có thành tích cao trong thể thao

1. Vận động viên đạt Huy chương tại Đại hội, giải thể thao quy mô thế giới, Châu lục và khu vực Đông Nam Á, ngoài mức thưởng quy định tại Nghị định số 152/2018/NĐ-CP, ngày 07/11/2018 của Chính phủ quy định về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu, được tỉnh thưởng thêm như sau:

a) Thành tích tại Đại hội thể thao quy mô thế giới: Huy chương Vàng: 50 triệu đồng; Huy chương Bạc: 40 triệu đồng; Huy chương Đồng: 25 triệu đồng.

b) Giải vô địch thế giới hoặc Cúp thế giới từng môn của các môn thể thao nhóm I: Huy chương Vàng: 30 triệu đồng; Huy chương Bạc: 25 triệu đồng; Huy chương Đồng: 15 triệu đồng.

c) Giải vô địch thế giới hoặc Cúp thế giới từng môn của các môn thể thao nhóm II và nhóm III: Huy chương Vàng: 25 triệu đồng; Huy chương Bạc: 15 triệu đồng; Huy chương Đồng: 10 triệu đồng.

d) Đại hội Thể thao Châu Á (asiad): Huy chương Vàng: 40 triệu đồng; Huy chương Bạc: 25 triệu đồng; Huy chương Đồng: 15 triệu đồng.

đ) Giải vô địch Châu Á hoặc Cúp Châu Á từng môn của các môn thể thao nhóm I: Huy chương Vàng: 25 triệu đồng; Huy chương Bạc: 15 triệu đồng; Huy chương Đồng: 10 triệu đồng.

e) Giải vô địch Châu Á hoặc Cúp Châu Á từng môn của các môn thể thao nhóm II và nhóm III, Đại hội Thể thao Bãi biển Châu Á, Đại hội thể thao Trong nhà và Võ thuật Châu Á: Huy chương Vàng: 12 triệu đồng; Huy chương Bạc: 8 triệu đồng; Huy chương Đồng: 5 triệu đồng.

g) Đại hội Thể thao Đông Nam Á (Sea Games): Huy chương Vàng: 25 triệu đồng; Huy chương Bạc: 15 triệu đồng; Huy chương Đồng: 10 triệu đồng.

h) Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao nhóm I (trong chương trình thi đấu của Olympic): Huy chương Vàng: 12 triệu đồng; Huy chương Bạc: 8 triệu đồng; Huy chương Đồng: 5 triệu đồng.

i) Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao nhóm II và III: Huy chương Vàng: 8 triệu đồng; Huy chương Bạc: 6 triệu đồng; Huy chương Đồng: 5 triệu đồng.

2. Thành tích tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc:

a) Huy chương Vàng hoặc giải Nhất: 10 triệu đồng.

b) Huy chương Bạc hoặc giải Nhì: 8 triệu đồng.

c) Huy chương Đồng hoặc giải Ba: 6 triệu đồng.

3. Thành tích tại các cuộc thi đấu vô địch quốc gia (cả giải thi đấu ở khu vực được công nhận là giải toàn quốc):

a) Huy chương Vàng hoặc giải Nhất: 8 triệu đồng.

b) Huy chương Bạc hoặc giải Nhì: 6 triệu đồng.

c) Huy chương Đồng hoặc giải Ba: 3 triệu đồng.

4. Thành tích tại các cuộc thi đấu vô địch trẻ quốc gia được thưởng mức tối đa bằng 50% mức thưởng tại các cuộc thi đấu vô địch quốc gia. Mức thưởng được quy định theo lứa tuổi như sau:

a) Vận động viên dưới 12 tuổi, mức thưởng bằng 30% mức thưởng tương ứng với mức thưởng của giải vô địch quốc gia.

b) Vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng với mức thưởng của giải vô địch quốc gia.

c) Vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi, mức thưởng tối đa bằng 50% mức thưởng tương ứng với mức thưởng của giải vô địch quốc gia.

5. Vận động viên phá kỷ lục quốc gia được cộng thêm 20%, mức thưởng của giải thưởng tương ứng quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này.

6. Thành tích tại Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh:

a) Huy chương Vàng hoặc giải Nhất: 2 triệu đồng.

b) Huy chương Bạc hoặc giải Nhì: 1 triệu 500 nghìn đồng.

c) Huy chương Đồng hoặc giải Ba: 1 triệu đồng.

7. Vận động viên lập thành tích tại các giải vô địch cấp tỉnh từng môn:

a) Huy chương Vàng hoặc giải Nhất: 1 triệu 500 nghìn đồng.

b) Huy chương Bạc hoặc giải Nhì: 1 triệu đồng.

c) Huy chương Đồng hoặc giải Ba: 500 nghìn đồng.

8. Đối với môn thể thao tập thể: Mức thưởng chung bằng số lượng người tham gia môn thể thao tập thể theo quy định của điều lệ giải nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 6 và 7 Điều này.

9. Đối với các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội (mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi), số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 6 và 7 Điều này.

10. Mức thưởng đối với các huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các cuộc thi đấu thể dục thể thao cấp Quốc gia:

a) Đối với thi đấu cá nhân: Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các cuộc thi đấu thể thao thì mức thưởng chung được tính bằng 50% mức thưởng đối với vận động viên đạt giải tương ứng tại khoản 2, 3 và 4 Điều này.

b) Đối với thi đấu tập thể: Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được thưởng mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định nhân với 50% mức thưởng tương ứng đối với vận động viên đạt giải. Số lượng huấn luyện viên của các đội được xét thưởng quy định theo mức sau: Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 02 đến 05 vận động viên tham gia thi đấu thì tính cho 01 huấn luyện viên; các môn có quy định từ 06 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu thì tính cho 02 huấn luyện viên; các môn có quy định từ 13 vận động viên trở lên thì tính cho 03 huấn luyện viên.

11. Huấn luyện viên có vận động viên lập thành tích, vận động viên lập thành tích tại các giải vô địch từng môn, hội thi, ngày hội thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng cấp quốc gia được thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng cho huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các cuộc thi đấu vô địch quốc gia.

Điều 8. Mức thưởng thêm đối với Nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp

1. Mức thưởng cho tập thể, cá nhân đạt Giải quốc tế gồm: các cuộc thi biểu diễn nghệ thuật có phạm vi trên toàn thế giới, cuộc thi (liên hoan) âm nhạc Châu Á; Liên hoan âm nhạc Châu Á - Thái Bình Dương, Liên hoan âm nhạc (ca múa nhạc) các nước Đông Nam Á và tương đương:

a) Huy chương Vàng (hoặc giải Nhất, giải A): 20 triệu đồng.

b) Huy chương Bạc (hoặc giải Nhì, giải B): 15 triệu đồng.

c) Huy chương Đồng (hoặc giải Ba, giải C): 10 triệu đồng.

d) Giải Khuyến khích: 5 triệu đồng.

2. Mức thưởng cho tập thể, cá nhân đạt giải toàn quốc:

a) Huy chương Vàng (hoặc giải Nhất, giải A): 12 triệu đồng.

b) Huy chương Bạc (hoặc giải Nhì, giải B): 8 triệu đồng.

c) Huy chương Đồng (hoặc giải Ba, giải C): 5 triệu đồng.

d) Giải Khuyến khích: 3 triệu đồng.

3. Đối với giải tập thể toàn đoàn hoặc chương trình thì mức thưởng bằng hai (02) lần mức thưởng quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 9. Quy định danh hiệu và mức thưởng đối với Nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể

1. Danh hiệu "Nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể" tỉnh Yên Bái được công nhận đối với cá nhân có thành tích đóng góp trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Yên Bái thuộc các loại hình: Tiếng nói, chữ viết; ngữ văn dân gian; nghệ thuật trình diễn dân gian; tập quán xã hội và tín ngưỡng; lễ hội truyền thống; tri thức dân gian.

2. Mức thưởng: Cá nhân đạt danh hiệu "Nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể" được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng công nhận và thưởng 8 triệu đồng.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về quy chế xét danh hiệu "Nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể" tỉnh Yên Bái.

Điều 10. Nguồn kinh phí

Kinh phí thưởng cho các tập thể, cá nhân đạt giải trong các cuộc thi cấp quốc tế, khu vực, trong nước, cấp tỉnh và danh hiệu "Nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể" được đảm bảo từ nguồn ngân sách tỉnh.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này bãi bỏ các nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 04/2009/NQ-HĐND ngày 17/7/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc khen thưởng đối với giáo viên, học sinh có thành tích xuất sắc trong việc dạy và học trên địa bàn tỉnh;

b) Nghị quyết số 05/2014/NQ-HĐND ngày 17/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định chính sách khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong các kỳ xét tặng "Giải thưởng Khoa học và Công nghệ tỉnh Yên Bái;

c) Nghị quyết số 06/2014/NQ-HĐND ngày 17/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định chính sách khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong các kỳ xét tặng Giải thưởng Văn học Nghệ thuật tỉnh Yên Bái 5 năm.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khoá XVIII, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 21 tháng 6 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Uỷ ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thanh Trà